

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST.  
Ngày: 11-3-2022.  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đức K, sinh năm 1959 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, thôn Phước Tấn, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Đức K và bà Lê Thị H1 trình bày:*

Vợ chồng ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 là hàng xóm với bà Lê Thị Ngọc H2. Ngày 13-12-2020, bà Lê Thị Ngọc H2 có qua nhà mượn tiền vợ chồng ông K để cho người khác vay lại, hàng tháng bà Lê Thị Ngọc H2 sẽ trả tiền lãi; lãi của 1.000.000 đồng/ngày là 1.500 đồng, tương ứng với mức lãi suất 4,5%/tháng và bà Lê Thị Ngọc H2 phải đóng lãi hàng tháng là 2.700.000 đồng, hai bên thỏa

thuận lãi đóng vào ngày 13 hàng tháng; đến ngày 13-12-2021 bà Lê Thị Ngọc H2 phải thanh toán xong tiền lãi phát sinh hàng tháng và trả số tiền gốc 60.000.000 đồng.

Ngày 13-01-2021, vợ chồng ông K qua đòi tiền lãi, nhưng bà Ngọc Hạnh xin chậm trả. Liên tục đến tháng 04-4-2021, vợ chồng ông K vẫn yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 trả tiền. Sau ngày 04-4-2021, bà Lê Thị Ngọc H2 tránh mặt vợ chồng ông K. Do không liên lạc được với bà Lê Thị Ngọc H2, nên ông bà khởi kiện.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-6-2021, ông bà yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 trả tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến khi Tòa án cấp sơ thẩm có bản án, quyết định theo mức lãi suất 1,66%/tháng, và chấm dứt giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 giữa ông K, bà Lê Thị H1 với bà Lê Thị Ngọc H2.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 08-12-2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông K, bà Lê Thị H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất: Ông bà chỉ yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 trả lãi từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021 với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền 60.000.000 đồng, tương ứng tiền lãi phải trả là  $60.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 11.952.000 \text{ đồng}$ .

Yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc H2 trả tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là 11.952.000 đồng, tổng cộng bà Lê Thị Ngọc H2 phải trả 71.952.000 đồng cho bà Lê Thị H1, ông K, và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 giữa ông K, bà Lê Thị H1 với bà Lê Thị Ngọc H2. Ngoài ra không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

*2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm của bị đơn bà Lê Thị Ngọc H2:* Kết quả xác minh tại Công an xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà Lê Thị Ngọc H2 có hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, địa chỉ hiện nay không rõ. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Lê Thị Ngọc H2 vắng mặt không tham gia tố tụng, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

### *3. Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông K, bà Lê Thị H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc H2 trả số tiền 71.952.000.000 đồng cho ông bà và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020.

*4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Ngọc H2 trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng, tổng cộng 71.952.000 đồng và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2, địa chỉ: Tô 5, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh từ giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020.

Theo giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020, và kết quả xác minh tại Công an xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bà Lê Thị Ngọc H2 có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, địa chỉ hiện nay không rõ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc H2 tham gia phiên tòa, nhưng bà Lê Thị Ngọc H2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Ngọc H2.

[3] Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K, bà Lê Thị H1:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-6-2021, ông K, bà Lê Thị H1 yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 trả lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến khi Tòa án cấp sơ thẩm có bản án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K, bà Lê Thị H1 yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 trả lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021, những nội dung khởi kiện khác giữ nguyên. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, và có lợi cho bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Lê Thị H1.

Về nội dung:

[4] Hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị Ngọc H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 được ký kết giữa ông K, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị Ngọc H2, các bên tự nguyện thỏa thuận nội dung: Ông K, bà Lê Thị H1 cho bà Lê Thị Ngọc H2 mượn số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/ngày là 1.500 đồng, lãi hàng tháng bà Lê Thị Ngọc H2 phải đóng; đến ngày 13-12-2021 bà Lê Thị Ngọc H2 trả đủ số tiền gốc 60.000.000 đồng.

Giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 là hợp đồng vay tài sản là tiền, có thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021, lãi trả hàng tháng, lãi phải trả của 1.000.000 đồng/ngày là 1.500 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 0,15%/ngày,  $0,15\%/ngày \times 30 \text{ ngày} = 4,5\%/tháng$ , và  $365 \text{ ngày} \times 0,15\%/ngày = 54,75\%/năm$ . Xét thấy, lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá lãi suất vay 20%/năm, nên mức lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Những nội dung khác của hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 117, 119, và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, nên có giá trị pháp lý đối với các bên.

[5] Ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 phải thanh toán số tiền gốc 60.000.000 đồng, và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Ngày 10-12-2021, Tòa án đã có thông báo số 112/2021/TB-TA về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự cho bà Lê Thị Ngọc H2, đồng thời triệu tập họp lệ bà Ngọc Hạnh tham gia tố tụng, nhưng bà Ngọc Hạnh không có ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5.2] Căn cứ Giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020, bà Lê Thị Ngọc H2 đã nhận 60.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021. Đến nay đã quá hạn, bà Lê Thị Ngọc H2 chưa thanh toán nợ gốc, chậm trả tiền lãi phát sinh cho ông K, bà Lê Thị H1 là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nay, ông K, bà Lê Thị H1 yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H2 thanh toán số tiền 60.000.000 đồng và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 giữa ông K, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị Ngọc H2 là phù hợp quy định tại Điều 423, 466 của Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận.

[6] Về tiền lãi:

Như đã phân tích tại mục [4], lãi suất các bên thỏa thuận 1.000.000 đồng/ngày lãi phải trả 1.500 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 54,75%/năm, nên mức lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực.

Ông K, bà Lê Thị H1 yêu cầu trả lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021, theo lãi suất 1,66%/tháng tương ứng 19,92%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H2 thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13-12-2020 đến ngày 13-12-2021, theo mức lãi suất 1,66%/tháng của số tiền vay 60.000.000 đồng là  $60.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 11.952.000 \text{ đồng}$  là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, và có lợi cho bên vay.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Ngọc H2 trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng + 11.952.000 đồng = 71.952.000 đồng và hủy giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 giữa ông K, bà Hạnh và bà Lê Thị Ngọc H2.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc H2 phải trả số tiền 71.952.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm  $71.952.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.597.600 \text{ đồng}$  theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại bà Lê Thị H1, ông Đỗ Đức K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 357, 423, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị Ngọc H2.

1. Hủy hợp đồng vay tài sản thể hiện tại Giấy cho mượn tiền ngày 13-12-2020 giữa ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị Ngọc H2.

2. Buộc bà Lê Thị Ngọc H2 thanh toán số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 11.952.000 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng), tổng cộng là 71.952.000 đồng (Bảy mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) cho ông Đỗ Đức K, bà Lê Thị H1.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc H2 phải nộp số tiền 3.597.600 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Lê Thị H1, ông Đỗ Đức K số tiền 1.662.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006640 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-3-2022), các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Việt Hà**